

Bản án số: 1135/2019/DS-ST
Ngày: 12/7/2019
V/v “Tranh chấp hợp đồng dân sự”
(Hợp đồng tín dụng).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Cẩm Vân
2. Bà Nguyễn Thị Bích Thân

Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Quốc Dũng là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 0498/2018/TLST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự (hợp đồng tín dụng)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2019/QĐXX-ST ngày 27 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 109/2019/QĐST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A

Địa chỉ: đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông B và ông C (giấy ủy quyền số 21338/2018/UQ-VPB ngày 04/9/2018) và ông Nguyễn Duy D (giấy ủy quyền số 21376/2019/UQ-PGDK ngày 09/7/2019).

(Ông B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt lập ngày (04/6/2019) và ông D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt lập ngày (10/7/2019).

Bị đơn: Ông Trương Văn E.

Địa chỉ liên lạc: đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 01 năm 2018, bản khai và các biên bản lập tại Tòa án, ông B và ông D - người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

+ Vào ngày 09/12/2014, ông Trương Văn E có ký “Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” với Ngân hàng A - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Ngân hàng A).

Ngày 12/12/2014, Ngân hàng A đã thông báo cho vay và phê duyệt cho ông E vay tiền căn cứ đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2395477 ngày 12/12/2014 (viết tắt là Hợp đồng tín dụng số 2395477) như sau:

Số tiền vay: 30.000.000 đồng;

Thời hạn vay: 24 tháng, tính từ ngày 12/12/2014;

Lãi suất cho vay trong hạn: 27%/năm;

Kỳ hạn trả nợ: Chi tiết theo lịch trả nợ;

Ngày 12/12/2014 Ngân hàng A đã giải ngân số tiền vay 30.000.000 đồng cho ông E.

Theo đó ông E có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng A tổng số tiền là: 39.304.834 đồng (trong đó số tiền gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi là 9.304.834 đồng theo bảng chi tiết lịch trả nợ), hàng tháng ông E phải trả tiền gốc và tiền lãi là 1.637.285 đồng. Bắt đầu thực hiện vào ngày 12/12/2014 đến ngày 12/12/2016.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông E đã thanh toán tổng cộng tiền gốc là 5.008.293 đồng, tiền lãi trong hạn là 3.204.194 đồng, được thể hiện như sau:

- Ngày 10/01/2015 đã trả số tiền 1.638.000 đồng (trong đó tiền gốc là 939,785 đồng, tiền lãi là 698,215 đồng);
- Ngày 12/02/2015 đã trả số tiền 1.640.000 đồng (trong đó tiền gốc là 961,635 đồng, tiền lãi là 678,365 đồng);
- Ngày 11/03/2015 đã trả số tiền 1.630.000 đồng (trong đó tiền gốc là 1,047,215 đồng, tiền lãi là 582,785 đồng);
- Ngày 10/04/2015 đã trả số tiền 1.638.000 đồng (trong đó tiền gốc là 1,008,341 đồng, tiền lãi là 629,659 đồng);
- Ngày 25/05/2015 đã trả số tiền 1.666.487 đồng (trong đó tiền gốc là 1,051,317 đồng, tiền lãi là 615,170 đồng).

Từ ngày 26/5/2015 ông E không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền gốc và tiền lãi nào nên Ngân hàng A đã chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn là $27\% \times 150\%$ của lãi suất vay trong hạn $= 40,5\%/360 \text{ ngày} = 0,1125\% \text{ ngày}$ (căn cứ theo Điều 2, Điều 8 và Điều 9 của Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng).

Vậy tiền lãi quá hạn từ ngày 26/5/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm (12/7/2019) là 1508 ngày được tính như sau: $24.991.707 \text{ đồng (nợ gốc)} \times 1508 \text{ ngày} \times 0.1125\%/\text{ngày} = 42.398.431 \text{ đồng}$.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng do ông E không thực hiện đúng theo bảng chi tiết lịch trả nợ, có tháng đóng tiền lãi trong hạn đúng theo ngày, có tháng đóng không đúng nên tiền lãi trong hạn được Ngân hàng tính lại và ông E phải đóng là 3.346.359 đồng (theo Bảng kê tính lãi mà Ngân hàng đã nộp cho Tòa). Nên tiền nợ lãi quá hạn được tính lại như sau: $42.398.431 \text{ đồng (tiền lãi quá hạn)} + 3.346.359 \text{ đồng (tiền lãi trong hạn phải đóng)} - 3.204.194 \text{ đồng (tiền lãi trong hạn đã đóng)} = 42.540.596 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tiền nợ gốc và tiền nợ lãi quá hạn là: $24.991.707 \text{ đồng} + 42.540.596 \text{ đồng} = 67.532.303 \text{ đồng}$.

+ Vào ngày 15/04/2015, ông Trương Văn E tiếp tục ký “Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” với Ngân hàng A.

Ngày 24/04/2015, Ngân hàng A đã thông báo cho vay và phê duyệt cho ông Trương Văn E vay tiền căn cứ Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3304408 ngày 24/04/2015 (viết tắt là Hợp đồng tín dụng số 3304408) như sau:

Số tiền vay: 50.000.000 đồng;

Thời hạn vay: 24 tháng, tính từ ngày 24/04/2015;

Lãi suất cho vay trong hạn: 27%/năm;

Kỳ hạn trả nợ: chi tiết theo lịch trả nợ;

Ngày 24/04/2015, Ngân hàng A đã giải ngân số tiền vay 50.000.000 đồng cho ông E.

Theo đó ông E có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng A tổng số tiền là: 65.530.576 đồng (trong đó số tiền gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi là 15.530.576 đồng), hàng tháng ông E phải trả tiền gốc và tiền lãi là 2.730.441 đồng. Bắt đầu thực hiện vào ngày 24/4/2015 đến ngày 24/4/2017.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông E đã thanh toán như sau:

- Ngày 25/05/2015 đã trả số tiền: 2.733.513 đồng (trong đó tiền gốc là 1.605.441 đồng, tiền lãi là 1.128.072 đồng).

- Từ ngày 26/05/2015 ông E không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền gốc và tiền lãi nào. Do đó Ngân hàng A đã chuyển sang nợ quá hạn với lãi suất nợ quá hạn là $40,5\%/360 \text{ ngày} = 0,1125\% \text{ ngày}$ như trên.

Vậy tiền lãi quá hạn từ ngày 26/5/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm (12/7/2019) là 1508 ngày được tính như sau:

$48.394.559 \text{ đồng} \times 1508 \text{ ngày} \times 0,1125\%/\text{ngày} = 82.101.369 \text{ đồng}$.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng do ông E không thực hiện đúng theo bảng chi tiết lịch trả nợ, có tháng đóng tiền lãi trong hạn đúng theo ngày, có tháng đóng không đúng nên tiền lãi trong hạn được Ngân hàng tính lại và ông E

phải đóng là 1.162.500 đồng (theo Bảng kê tính lãi mà Ngân hàng đã nộp cho Tòa) nên tiền lãi quá hạn được tính lại như sau: 82.101.369 đồng (tiền lãi quá hạn) + 1.162.500 đồng (tiền lãi trong hạn phải đóng) - 1.128.072 đồng (tiền lãi trong hạn đã đóng) = 82.135.797 đồng.

Tổng cộng tiền nợ gốc và tiền nợ lãi quá hạn là: 48.394.559 đồng + 82.135.797 đồng = 130.530.356 đồng.

Tổng cộng tiền nợ gốc và tiền nợ lãi của hai hợp đồng tín dụng nêu trên là: 67.532.303 đồng + 130.530.356 đồng = 198.062.659 đồng.

Nay Ngân hàng A yêu cầu Tòa án buộc ông E trả số tiền như trên, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp ông Trương Văn E chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì ông Minh còn phải trả thêm tiền lãi trên số nợ gốc do hai bên thỏa thuận theo hai hợp đồng tín dụng nêu trên là 27%/năm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của bị đơn ông Trương Văn E như sau: Theo kết quả cung cấp tài liệu chứng cứ của Công an Phường Y, quận Bình Thạnh chuyển đến Tòa án ngày 12/9/2018 như sau: “ Ông Trương Văn E (SN 1963) có hộ khẩu thường trú đường X, Phường Y, quận Bình Thạnh nhưng đã chuyển đến số đường XX, Phường Y, quận Bình Thạnh để sinh sống từ năm 2007 đến nay”.

Theo kết quả cung cấp tài liệu chứng cứ của Công an Phường Y, quận Bình Thạnh chuyển đến Tòa án ngày 24/10/2018 như sau: “ Hiện nay tại địa chỉ đường XX, Phường Y, quận Bình Thạnh không có đương sự Trương Văn E cư ngụ và tạm trú”.

- Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng tại địa chỉ thường trú cho ông Trương Văn E tại số đường X, Phường Y, quận Bình Thạnh Thành phố Hồ Chí Minh”. Tuy nhiên, trong cả hai lần Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần mở phiên tòa, ông E đều vắng mặt không lý do. Ông E cũng

không có ý kiến bằng văn bản về việc nguyên đơn khởi kiện và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Do bị đơn ông Trương Văn E vắng mặt và người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A là ông B (có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 04/6/2019) và ông D (có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 10/7/2019) nên căn cứ Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Giữa nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện Hợp đồng dân sự (hợp đồng tín dụng). Trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh tranh chấp về nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn hiện cư trú tại quận Bình Thạnh nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền còn nợ là 198.062.659 đồng theo hợp đồng tín dụng số 2395477 ngày 12/12/2014 và hợp đồng tín dụng số 3304408 ngày 24/4/2015, trả một lần ngày sau bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm:

“Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 2395477” ngày 09/12/2014, thông báo cho vay và phê duyệt ngày 12/12/2014” và “Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 3304408 ngày 15/4/2015, thông báo cho vay và phê duyệt ngày 24/4/2015”; lịch trả nợ; bảng chi tiết tính lãi và vốn của hai hợp đồng tín dụng nêu trên đến ngày xét xử sơ thẩm (12/7/2019); giấy lĩnh tiền; sao kê tài khoản giữa ông E với Ngân hàng A.

Có cơ sở xác định giữa ông Trương Văn E và Ngân hàng A có ký kết và thực hiện hai hợp đồng tín dụng nêu trên. Ông E đã nhận đủ số tiền vay của hai hợp đồng tín dụng nêu trên và đã thanh toán cho Ngân hàng A số tiền gốc 5.008.293 đồng, tiền lãi trong hạn là 3.204.194 đồng của hợp đồng tín dụng số 2395477 ngày 12/12/2014 và đã trả tiền gốc 1.605.441 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.128.072 đồng của hợp đồng tín dụng số 3304408 ngày 24/4/2015.

Từ ngày 26/5/2015 ông E đã ngưng không thanh toán tiếp tiền gốc và tiền lãi của hai hợp đồng tín dụng nêu trên nên Ngân hàng A đã chuyển sang lãi quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn là $40,5\%/360 \text{ ngày} = 0,1125\%$ ngày nêu trên là đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông E tại địa chỉ nêu trên. Ông E không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện, không có ý kiến để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình và không chứng minh được việc đã trả nợ cho nguyên đơn là bao nhiêu. Việc Nguyên đơn thừa nhận bị đơn có trả số tiền nêu trên là cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Do đó căn cứ Điều 463, Điểm b Khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông E phải trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng A theo hai hợp đồng tín dụng nêu trên tổng cộng là 67.532.303 đồng + 130.532.356 đồng = 198.062.659 đồng.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Văn E phải chịu án phí là 198.062.659 đồng x 5% = 9.903.133 đồng (chín triệu chín trăm lẻ ba nghìn một trăm ba mươi ba đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.873.000 đồng (ba triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điểm b Khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A.

Buộc ông Trương Văn E có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A số tiền còn nợ theo hai hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số 2395477 ngày 12/12/2014 với số tiền 67.532.303 đồng (trong đó có 24.991.707 đồng (tiền nợ gốc) + 42.540.596 đồng (tiền nợ lãi)).

Hợp đồng tín dụng 3304408 ngày 24/4/2015 với số tiền 130.532.356 đồng (trong đó có 48.394.559 đồng (tiền nợ gốc) + 82.135.797 đồng (tiền nợ lãi)).

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 9.903.133 đồng (chín triệu chín trăm lẻ ba nghìn một trăm ba mươi ba đồng), ông Trương Văn E chịu.

Hoàn lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.873.000 đồng (ba triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0004157 ngày 20/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP.HCM;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- CCTHADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu văn thư, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thái Thị Mỹ Hạnh